

Số: 05/BC-NSG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

**Năm báo cáo: NĂM 2025**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn;
- Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn.

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Giấy đăng ký kinh doanh số 0300766500 cấp lần đầu ngày 15/11/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 10 ngày 28/7/2025.

- Vốn điều lệ: 86.392.080.000 đồng (Tám mươi sáu tỷ ba trăm chín mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 86.392.080.000 đồng (Tám mươi sáu tỷ ba trăm chín mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

- Địa chỉ: 242 Trần Phú, Phường An Đông, Tp. Hồ Chí Minh

- Số điện thoại: (028) 38358999

- Số fax: (028) 38308530

- Website: <http://www.saigonplastic.com.vn>

- Mã cổ phiếu: NSG

*2. Quá trình hình thành và phát triển:*

Tiền thân là Xí nghiệp Quốc doanh Nhựa 7 được thành lập vào tháng 04 năm 1989 trên cơ sở Xí nghiệp nhựa gia dụng của Liên hiệp Xí nghiệp Nhựa thành phố, số vốn thành lập ban đầu là 97 triệu đồng cùng với máy móc thiết bị nghèo nàn, lạc hậu, toàn bộ diện tích nhà xưởng, văn phòng chỉ với 300m<sup>2</sup>, qua 03 năm hoạt động với tinh thần quyết tâm cao của tập thể Xí nghiệp và tầm nhìn của lãnh đạo, đơn vị đã dần hoạt động ổn định, kinh doanh có lãi và tích lũy nguồn vốn. Đến năm 1992 chính thức thành lập Công ty Nhựa Sài Gòn đã đánh dấu một sự kiện phát triển vượt bậc của công ty trong ngành Nhựa thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

Ngày 31/12/2003, Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn được chuyển đổi mô hình từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo QĐ số 5732/QĐ-UB



ngày 31/12/2003 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/07/2004, tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á đã tổ chức phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Công ty Nhựa Sài Gòn, giá đấu thành công bình quân 104.000 đồng/cổ phiếu (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu).

Ngày 16/10/2004 Công ty đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu để thành lập công ty cổ phần. Ngày 15/11/2004, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 4103002859 với vốn điều lệ là 36.000.000.000 đồng (Ba mươi sáu tỷ đồng), đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/09/2013 với chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300766500 vốn điều lệ là 86.392.080.000 đồng (Tám mươi sáu tỷ ba trăm chín mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 27/02/2012, CTCP Nhựa Sài Gòn được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng công văn số 554/UBCK-QLPH.

Ngày 01/04/2016 Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 26/2016/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 8.639.208 cổ phần.

Ngày 12/05/2016 Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 289/QĐ - SGDHN với mã chứng khoán là NSG.

Với phương châm “Nhu cầu của bạn là giải pháp của chúng tôi”, “cho bạn và vì bạn”, Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn mong mỗi được làm đối tác, chia sẻ với tất cả khách hàng trong và ngoài nước.

- Các sự kiện khác: Không.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa dân dụng, nhựa trang trí nội thất, các sản phẩm nhựa chuyên dụng phục vụ ngành kinh tế - công nghiệp xây dựng, môi trường, giao thông vận tải, sản phẩm khuyến mại và quảng cáo.

- Địa bàn kinh doanh:

Tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành trong cả nước.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn, mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

- \* Đại hội đồng Cổ đông;
- \* Hội đồng quản trị;
- \* Ban Kiểm soát;

\* Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;

\* Xí nghiệp Nhựa, Phòng Kỹ thuật - Đầu tư, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế toán, Phòng Tổ chức - Hành chính, Chi nhánh Cần Thơ.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 5. Định hướng phát triển

Công ty hướng đến cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng cho khách hàng, giữ vững vị thế là một trong những thương hiệu hàng đầu về sản xuất kinh doanh các mặt hàng nhựa phục vụ trong lĩnh vực công nghiệp tại thị trường Việt Nam.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tiếp tục kinh doanh các mặt hàng sản phẩm mà Nhựa Sài Gòn có thế mạnh.

Trong điều kiện thị trường không ổn định về nguồn nguyên vật liệu, Công ty dứt gãy nguồn vốn vay từ ngân hàng, khả năng tài chính doanh nghiệp rất hạn chế,... Vì thế, mục tiêu bán hàng thanh toán ngay để giảm thiểu hàng tồn kho, thúc đẩy vòng quay vốn luôn được ưu tiên.

Sắp xếp cơ cấu lao động công ty hợp lý, phát huy tối đa năng lực chuyên môn theo hướng bố trí tinh giảm kết hợp tuyển dụng mới. Nâng cao năng lực điều hành quản trị, ứng dụng các hệ thống quản lý đã có, chuẩn bị đội ngũ kế thừa có năng lực quản lý điều hành.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tìm kiếm và đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

Tích lũy và dự trữ nguồn vốn lưu động để tận dụng giải quyết việc dự trữ nguyên liệu ổn định giá thành sản xuất.

Khai thác máy móc thiết bị trong lĩnh vực gia công sản phẩm ổn định việc làm, vận hành nhà máy sản xuất tiết kiệm hiệu quả.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Duy trì và cải tiến các hệ thống quản lý hiện có, xây dựng thêm các hệ thống chứng nhận, đảm bảo hợp quy cho các sản phẩm về an toàn thực phẩm.

### 6. Các rủi ro

Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhựa nhiệt dẻo chuyên phục vụ cho các ngành môi trường, giao thông công chánh, nông nghiệp nông thôn, thủy hải sản ... nên cũng có một số rủi ro như sau:

- Về tỉ giá, nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu chính để sản xuất các sản phẩm của Công ty là hạt nhựa PP, HDPE, ABS, ...tăng cao, nguyên liệu chính này chiếm khoảng 70-80% giá thành sản phẩm. Trong khi đó các nguyên liệu này biến động giá, Công ty hạn chế tài chính nên chịu sức ép rất lớn đến giá bán sản

phẩm, chi phí và lợi nhuận của Công ty.

- Về chế độ chính sách đối với người lao động như chi trả lương, trích nộp bảo hiểm, chế độ đãi ngộ để giữ chân người lao động có tay nghề.

- Trong điều kiện kinh doanh như hiện nay, giá bán sản phẩm không thể tăng, nếu giữ ổn định cũng rất khó cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành nghề. Trong khi đó, các phát sinh dự báo sẽ tăng cao hơn rất nhiều như: tiền thuê đất đối với các mặt bằng Công ty đang quản lý sử dụng, chi phí điện, vận tải,... chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả Công ty trong năm.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	2025	2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12.192.095.104	10.878.082.919
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	12.192.095.104	10.878.082.919
4. Giá vốn hàng bán	11	11.074.766.733	11.969.212.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	1.117.328.371	-1.091.129.413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	926.263	153.322
7. Chi phí tài chính	22	1.571.015.280	1.581.511.666
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1.571.015.280	1.581.511.666
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	881.597.724	1.044.083.192
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.020.927.252	5.804.276.303
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30	(7.355.285.622)	-9.520.847.253
12. Thu nhập khác	31	108.481.142	269.152.008
13. Chi phí khác	32	2.877.436.093	507.437.693
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(2.768.954.951)	(238.285.685)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	2025	2024
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(10.124.240.573)	(9.759.132.938)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(10.124.240.573)	(9.759.132.938)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	(1.172)	(1.130)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(1.172)	(1.130)

Doanh thu sản xuất kinh doanh chính của Công ty vẫn còn sụt giảm do NSG còn gánh chịu các khoản nợ lũy kế và lãi phạt phát sinh. Song song đó, các chính sách của Nhà Nước thay đổi cũng góp phần tạo nên khó khăn nhất định cho Công ty.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

S t t	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2025	% (TH 2025/ KH 2025)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	12.192.095.104	19.900.000.000	61,26%
2	Tổng chi phí			
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Chi phí tiền lương</i>	8.368.397	7.500.000	111,58%
	<i>Thu nhập bình quân người LĐ/tháng</i>			
3	Lợi nhuận trước thuế	(10.124.240.573)		-
4	Thuế thu nhập DN			
5	Lợi nhuận sau thuế	(10.124.240.573)		-

## 2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

\* Họ và tên: **PHẠM THANH PHONG**

Chức vụ: Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT, đăng ký là Người Đại diện theo Pháp luật.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Số lượng cổ phiếu sở hữu của bản thân: 1.468.632 cổ phiếu. Trong đó: Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu. Được ủy quyền (đại diện sở hữu): 1.468.632 cổ phiếu.

Ngày 04/07/2024, bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn.

\* Họ và tên: **PHẠM THỊ THƯƠNG**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học Vật liệu Polymer.

Số lượng cổ phiếu sở hữu của bản thân: 0 cổ phiếu. Trong đó: Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu

Ngày 12/9/2024, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn.

- Những thay đổi trong ban điều hành:

- Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, công nhân viên Công ty tính đến ngày 31/03/2026 là 36 người

<i>Stt</i>	<i>Phân loại lao động</i>	<i>Số người</i>	<i>Tỷ trọng (%)</i>
<i>I</i>	<i>Phân theo thời hạn hợp đồng</i>		
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	27	75%
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn	9	25%
3	Hợp đồng lao động theo mùa vụ		
<b>Tổng cộng</b>		<b>36</b>	<b>100%</b>
<i>II</i>	<i>Phân theo giới tính</i>		
1	Lao động nam	25	69,4%
2	Lao động nữ	11	30,6%
<b>Tổng cộng</b>		<b>36</b>	<b>100%</b>
<i>III</i>	<i>Phân theo trình độ</i>		
1	Đại học, cao đẳng	13	36,1%
2	Trung học chuyên nghiệp	2	0,6%
3	Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	4	11,1%
4	Lao động phổ thông	17	47,2%
<b>Tổng cộng</b>		<b>36</b>	<b>100%</b>

Người lao động trong Công ty được hưởng lương căn cứ theo trình chức danh phụ trách công việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ % (2025/2024)
Tổng giá trị tài sản	68.236.228.785	79.127.860.618	116%
Doanh thu thuần	10.878.082.919	12.192.095.104	112%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(10.427.774.219)	(7.355.285.622)	
Lợi nhuận khác	(238.285.685)	(2.768.954.951)	
Lợi nhuận trước thuế	(9.759.132.938)	(10.124.240.573)	
Lợi nhuận sau thuế	(9.759.132.938)	(10.124.240.573)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác: Không có

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,13	0,14	
+ Hệ số thanh toán nhanh	11,75	15,27	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số nợ	90.442.980.511	111.458.852.917	
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	133%	141%	
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	-407%	-345%	
<i>3. Chỉ tiêu năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	153%	109%	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	10%	11%	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-90%	-83%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	40%	-32%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-9%	-9%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-88%	-60%	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ			
Tổng tài sản có			
Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh số huy động tiền gửi			
Doanh số cho vay			
Doanh số thu nợ			
Nợ quá hạn			
Nợ khó đòi			
Hệ số sử dụng vốn			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
3. Khả năng thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngay			
Khả năng thanh toán chung			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 8.639.208 cổ phiếu phổ thông, trong đó:

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 8.639.208 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 0 cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách chốt ngày 10/6/2025)

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ %
I	Cổ đông trong nước	213	8.639.208	100%
1.1	Tổ chức	01	3.887.600	45,00%
1.2	Cá nhân	212	4.751.608	55,00%
II	Cổ đông nước ngoài			

2.1	Cá nhân	0	-	-
2.2	Tổ chức	0	-	-
<i>Tổng cộng</i>			8.639.208	100%

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

e. *Các chứng khoán khác:* Không có

6. *Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty*

6.1. *Tác động lên môi trường:*

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: sử dụng nguyên liệu sạch.

6.2. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu:*

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 60 tấn nhựa.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 20% nguyên liệu được tái sử dụng tạo sản phẩm.

6.3. *Tiêu thụ năng lượng:*

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.4. *Tiêu thụ nước:* mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: sử dụng trong sinh hoạt và giải nhiệt khuôn

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 36 nhân viên, thu nhập bình quân: 8.368.397 đồng/ người

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: không

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: không

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Trong năm có sự biến động giảm về giá trị tài sản

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Stt	Tên Ngân hàng	
1	Ngân hàng TMCP Quân Đội – MB	1.614.898.384
2	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN – Eximbank	4.076.948.786
3	Ngân Hàng Vietinbank– CN5	10.888.155.362
4	Công ty TNHH Tân Phúc Hồng	3.073.633.939 <sup>1</sup>
5	Công ty TNHH Toa Vina	2.000.000.000 <sup>2</sup>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22.053.636.471</b>

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 351/QĐ-CCTHADS (Thi hành án theo yêu cầu ngày 19/11/2020)

<sup>2</sup> Theo Hợp đồng cho vay tiền số 17022020 ngày 17/02/2020 và số 02032020 ngày 02/03/2020. Kèm theo các chứng từ liên quan.

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	
1.	Nợ tiền thuế (thuê đất, phạt chậm nộp)	16.563.754.047
2.	Nợ kinh phí công đoàn	333.278.637
3.	Nợ BHXH, BHYT, BHTN	4.386.195.591
4.	Lương CB-CNV	1.350.117.766
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22.633.346.041</b>

Stt	Tên khách hàng	31/12/2024 (VNĐ)
1	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV	100.740.000
2	Công ty TNHH Khôi Việt	2.063.665.000
3	Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Tân Kỳ Nguyên	771.496.099
4	Ông Lê Văn Thành	23.003.000.000
5	Các nhà cung cấp khác	2.614.795.182
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28.553.696.281</b>

Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: **Không**

*3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Thay đổi sơ đồ tổ chức theo hướng tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu quả.

*4. Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị hiện có.

*5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:* Báo cáo riêng

*6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội của công ty*

*a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường*

Công ty luôn chú trọng việc thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường chung, áp dụng quy chuẩn về môi trường, đúng pháp luật.

*b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động*

Công ty luôn quan tâm việc chăm lo sức khỏe, đời sống cho người lao động, hỗ trợ những trường hợp ốm đau bệnh tật. Khuyến khích tinh thần lao động sáng tạo trong toàn thể cán bộ công nhân viên nhằm tạo điều kiện phát huy tính sáng tạo, cải tiến kỹ thuật đem lại hiệu quả thiết thực, cải thiện thêm thu nhập.

Khuyến khích cho con của cán bộ công nhân viên bằng cách trao các phần quà cho các bé có thành tích học tập tốt, tổ chức phát quà Quốc tế Thiếu nhi 1-6, Tết Trung thu.

*c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*

Công ty chia sẻ khó khăn đối với các hoàn cảnh đặc biệt, “Quý trẻ em nghèo”,...tuy giá trị không lớn nhưng thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng của doanh nghiệp.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### *1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

*- Về hoạt động kinh doanh:*

Trong năm 2025, vì nguồn vốn hạn chế và có sự thay đổi nhân sự quản lý, tác động lớn đến kết quả kinh doanh chung:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025		
		Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%) Thực hiện 2025/ Kế hoạch 2025
1	Vốn điều lệ	86.392.080.000	86.392.080.000	100%
2	Tổng doanh thu	19.900.000.000	12.192.095.104	61,26%
3	Lợi nhuận trước thuế	0	(9.759.132.938)	-

*- Về hoạt động cộng đồng:*

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:* HĐQT đã triển khai họp bàn, thông qua các Nghị quyết về các vấn đề cấp bách, chỉ đạo trực tiếp đến Ban Tổng Giám đốc trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024.

##### *3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Năm 2025, Hội đồng Quản trị chủ trương đề ra các mục tiêu chiến lược định hướng phát triển Công ty theo hướng duy trì sản xuất để ổn định đời sống lao động, phục hồi dần sản xuất, đồng thời đảm bảo hiệu quả cao trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trên cơ sở thiết lập cơ chế kiểm soát và hạn chế các rủi ro.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát chỉ đạo các hoạt động của Ban Điều hành nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **V. Quản trị công ty**

##### *1. Hội đồng quản trị*

*a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:*

Tính đến ngày 31/12/2024, thành phần cơ cấu của Hội đồng quản trị Công ty gồm có năm (05) thành viên, trong đó gồm: 01 Chủ tịch và 04 thành viên.

Bảng tổng hợp như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Số cổ phiếu sở hữu	%	Ghi chú
1	Vũ Ngọc Nam	1.555.057 cổ phiếu. Trong đó: Được ủy quyền (đại diện Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV): 1.555.057 cổ phiếu theo quyết định ngày 25/6/2024 Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu	18,00%	Chủ tịch HĐQT (Thành viên không điều hành Công ty)
2	Phạm Thanh Phong	1.468.632 cổ phiếu. Trong đó: Được ủy quyền (đại diện Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV): 1.468.632 cổ phiếu theo quyết định ngày 25/6/2024 Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu	17,00%	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
3	Đinh Ngọc Hòa	863.911 cổ phiếu. Trong đó: Được ủy quyền (đại diện Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV): 863.911 cổ phiếu Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu	10,00%	(Thành viên không điều hành Công ty)
4	Nguyễn Thanh Hà	2.071.060 cổ phiếu (cá nhân)	44,76%	Thành viên HĐQT
5	Huỳnh Tấn Phước	0 cổ phiếu (cá nhân)	0,00%	Thành viên HĐQT

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế, Điều lệ Công ty, quy định của Pháp luật và Nhà nước.

- Trong năm, Hội đồng quản trị họp bàn và thống nhất giao nhiệm vụ đối với Tổng Giám đốc Công ty bằng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

## 2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Huỳnh Mẫn Thành	0 cổ phiếu (cá nhân)	0,00%	Thành viên
2	Nguyễn Thái Bình	0 cổ phiếu (cá nhân)	0,00%	Thành viên
3	Lê Ngọc Phúc Hào	0 cổ phiếu (cá nhân)	0,00%	Thành viên

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm, Ban kiểm soát đã tiến hành họp, thẩm định báo cáo về các mặt hoạt động của Công ty.

- Khi Hội đồng quản trị họp thì thành phần Ban Kiểm soát đều tham gia trao đổi, đóng góp ý kiến.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: 0 đồng.

Tổng Thù lao của HĐQT và BKS năm 2024: 0 đồng.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

b. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm có phát sinh giao dịch với cổ đông nội bộ là Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV, được thể hiện rõ như sau:

Đơn vị tính: đồng

Cổ đông nội bộ	Mối quan hệ	Hợp đồng	Giá trị giao dịch
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp – tỷ lệ vốn góp 45%	Bán thành phẩm, hàng hoá	0
		Thu tiền bán hàng	0

c. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Các thông tin đều được cập nhật theo đúng quy định của luật chứng khoán, chia sẻ các thông tin cho cổ đông để nắm được thông tin.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban đều thực hiện đúng theo nghĩa vụ, quyền hạn của mình, tuân thủ quy định của Pháp luật.

4. Báo cáo tài chính

a. Ý kiến kiểm toán: Số liệu phù hợp và trung thực.

b. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN  
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THANH PHONG

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NHỰA SÀI  
GÒN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN  
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=QUẬN 5, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300766500  
Reason: I am the author of this document  
Location:  
Date: 2026.04.01 16:26:06+07'00'  
Foxit PDF Reader Version: 2025.2.0